TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày 01 - 4 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Võ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị Hồng N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

-*Bị đơn:*

Ông Nguyễn Việt T (tên gọi khác: D), sinh năm 1975;

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã C, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, các bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2019 và quá trình xét xử, bà Thái Thị Hồng N là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10 tháng 01 năm 2019, ông Nguyễn Việt T và bà Nguyễn Thị C có vay số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và có hứa đến ngày 18 tháng 01 năm 2019, ông T và bà C sẽ trả cho bà hết số tiền nợ là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Đến ngày 19 tháng 01 năm 2019, bà có điện thoại hỏi và ông T có trả cho bà số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), ông T nói khi nào có tiền thì trả tiếp. Bà C, ông T hứa với bà khi nào bán được chiếc xe thì sẽ trả số tiền còn lại một lần. Hiện nay chiếc xe đã bán nhưng bà C, ông T chưa trả tiền nên bà yêu cầu

Tòa án buộc ông T, bà C trả cho bà số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), việc trả tiền một lần, hạn cuối trả toàn bộ số tiền là ngày 20 tháng 4 năm 2019.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà xác định việc giấy thỏa thuận mượn tiền do bà N cung cấp có chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị C là chữ viết, chữ ký của bà.

Việc bà ký giấy này là do con bà là ông Nguyễn Gia B vay tiền của bà N. Bà thương con nên nhận nợ trả thay cho con là ông Nguyễn Gia B. Nhưng trong quá trình trả tiền, bà N đến nhà, gọi điện thoại vào mùng 2 tết nên bà không đồng ý thái độ cư xử của bà N.

Bà đồng ý trả tiền cho bà N số tiền còn lại là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nhưng bà chỉ có khả năng mỗi tháng trả 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị đơn ông Nguyễn Việt T trình bày: Ông xác định việc giấy thỏa thuận mượn tiền do bà N cung cấp có chữ ký và chữ viết Nguyễn Việt T là chữ viết, chữ ký của ông.

Việc ông ký giấy này là do con ông là ông Nguyễn Gia B vay tiền của bà N. Ông thương con nên nhận nợ trả thay cho con ông là ông Nguyễn Gia B nhưng ông đồng ý trả mỗi tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Bà Thái Thị Hồng N là nguyên đơn trình bày: Bà không đồng ý theo cách thức trả tiền của ông T, bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Thái Thị Hồng N và nơi cư trú của bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Việt T, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì lời trình bày của bà Thái Thị Hồng N, lời trình bày của bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Việt T có những điểm còn mâu thuẫn với nhau về việc người trực tiếp vay tiền nhưng cùng xác định: Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ trả tiền vay cho bà N nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[3] Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Việt T cho rằng ông Nguyễn Gia B vay tiền của bà N nhưng do bà C, ông T thương con nên nhận nợ trả thay cho ông Nguyễn Gia B. Đồng thời, bà C, ông T cùng đồng ý trả tiền cho bà N số tiền còn lại là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nhưng yêu cầu mỗi tháng trả 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) do hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng yêu cầu này không

được bà N chấp nhận. Như vậy, giữa các bên đã xác định được số tiền vay, nghĩa vụ trả tiền nhưng chưa thống nhất với nhau về thời gian trả tiền. Do đó, bà Thái Thị Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Việt T trả cho bà số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Việt T có mối quan hệ là vợ chồng, cùng đồng ý trả tiền cho bà N. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thái Thị Hồng N số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[5] Việc bà C, ông T trả số tiền cho bà N vào thời gian nào, bao nhiêu lần thì các bên có quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[6] Án phí dân sự có giá ngạch: Bà Thái Thị Hồng N không phải chịu án phí, bà N đã dự nộp số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) được nhận lại.

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Việt T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) x 5% = 1.000.000đ (một triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Áp dụng các Điều 288, Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Hồng N về việc buộc bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Việt T trả tiền vay.

Buộc bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Việt T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thái Thị Hồng N số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà Thái Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà N đã dự nộp số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001147 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Việt T phải liên đới chịu số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng), có nghĩa vụ nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Diệp Song Tiền

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An (1b);*
- *VKSND huyện Châu Thành (2b);*
- *Chi cục THA huyện Châu Thành (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).*